

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 557/2024/HS-PT

Ngày: 15/7/2024

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Bà Trần Thị Quỳnh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 21/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024. Do có kháng cáo của Nguyên đơn dân sự là anh Lê Mạnh T đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

* **Nguyên đơn dân sự:** Anh Lê Mạnh T, sinh năm: 1990; địa chỉ: Số D đường H, tổ B, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. ĐT: 0857196789. Có mặt.

* **Bị đơn dân sự:** Chị Ngô Huyền T1; sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Đặng Minh D, sinh năm: 1991; địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nợ tiền của nhiều người và không có khả năng thanh toán nên ngày 29/10/2018 Ngô Huyền T1 nảy sinh ý định làm giả giấy tờ để đem đi thế chấp vay tiền. T1 đã vào mạng Internet tìm kiếm thông tin để thuê người làm giả giấy tờ. Sau khi tìm được, T1 nhắn tin liên lạc qua Zalo với một đối tượng nam giới có tên trên Z là “*Gió Đông*” (người này giới thiệu tên Nam nhà ở thành phố Hồ Chí Minh, T1 không biết địa chỉ cụ thể). T1 đã thuê N làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt

là “bìa đỏ”), Giấy đăng ký xe ô tô với giá 18.000.000đ/ 01 bìa đỏ; 6.000.000đ/01 giấy đăng ký xe ô tô. Sau đó, T1 chụp ảnh bìa đỏ của nhà ở địa chỉ số H, đường M, phường B, thành phố L và giấy đăng ký xe ô tô Honda CRV BKS: 24A - 119.91; xe Hyundai Santafe BKS: 24A - 119.05 đứng tên T1 và chồng là Đặng Minh D rồi gửi qua Z và chuyển tiền vào số tài khoản 19032588686019 theo chỉ định của N để yêu cầu làm giả 07 bìa đỏ, 02 đăng ký xe ô tô BKS 24A – 119.91, 01 đăng ký xe ô tô BKS 24A – 119.05. Quá trình điều tra xác định trong thời gian từ cuối năm 2017 đến tháng 3/2019 T1 đã thực hiện 06 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

*** Vụ thứ nhất: Lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Phùng Văn H, trú tại tổ A, phường D (nay là tổ F, phường C), thành phố L.**

Năm 2015, T1 làm ở cửa hàng Đ cùng vợ của Phùng Văn H nên quen biết Hiếu. Tối ngày 10/01/2019, T1 gọi điện cho H hỏi vay 800.000.000đ (*tám trăm triệu đồng*), do số tiền lớn nên H yêu cầu T1 phải có tài sản thế chấp mới cho vay. Ngày hôm sau, T1 cầm 01 bìa đỏ giả (trong số 7 bìa đỏ T1 đã thuê làm giả) đến nhà H để thế chấp vay 800.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng. Do tin tưởng bìa đỏ trên là thật nên sau khi T1 viết, ký giấy vay tiền, H đã đưa trước cho T1 100.000.000đ tiền mặt rồi cùng T1 đến cửa hàng thế giới di động ở phường P gặp chồng T1 là Đặng Minh D để ký giấy vay tiền. Chiều cùng ngày H chuyển 700.000.000đ còn lại vào tài khoản cho T1. Số tiền này T1 dùng trả tiền lãi cho những người mà T1 vay trước đó và mua lô hàng điện thoại di động trả cho anh Lê Mạnh T ở phường K, thành phố L và anh Nguyễn Trọng H1 ở xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngày 03/02/2019, T1 hỏi vay Hiếu thêm 500.000.000đ, thời hạn 15 ngày, H yêu cầu T1 thế chấp xe ô tô và T1 đồng ý. Sau đó T1 in sẵn một giấy vay tiền và điền thông tin vào giấy vay rồi đưa cho chồng là Đặng Minh D ký. Sau khi D ký xong, T1 đi xe ô tô cầm theo Giấy đăng ký xe ô tô giả, biển số 24A-119.91 (trong số 02 giấy đăng ký xe ô tô T1 đã thuê làm giả) cùng giấy vay tiền đến gặp H để thế chấp vay 500.000.000đ. Do tin tưởng đăng ký xe ô tô trên là thật nên H đã cho T1 vay 500.000.000đ và chỉ giữ đăng ký xe còn cho T1 mượn lại xe để đi. Số tiền này T1 dùng đặt mua điện thoại để trả hàng cho anh T. Ngày 18/02/2019, H gọi điện đòi tiền, T1 bảo do làm ăn khó khăn nên xin khất trả nợ dần. Sau đó, T1 chuyển khoản trả cho H nhiều lần với tổng số tiền 250.000.000đ của khoản vay 500.000.000đ. Tổng số tiền T1 chiếm đoạt của Phùng Văn H là 1.050.000.000đ. Tại phiên tòa anh H yêu cầu Ngô Huyền T1 và Đặng Minh D phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh số tiền 1.050.000.000đ.

Về lãi suất cho vay: Quá trình điều tra T1 khai khoản vay 800.000.000đ ngày 11/01/2019 H tính lãi 10.000đ/triệu/ngày; khoản vay 500.000.000đ ngày 03/02/2019 Hiếu tính lãi 8.000đ/triệu/ngày, T1 đã nhiều lần chuyển tiền lãi cho H nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Tại phiên tòa Ngô Huyền T1 khai do nhớ nhầm nên đã khai như ở trên, thực tế Phùng Văn H chỉ cho T1 vay với lãi

suất 1.000đ/triệu/ngày.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 863945 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 29/3/2018 cho Đặng Minh D và Ngô Huyền T1, địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố L; Số vào sổ cấp GCN: CS 03743 - Tài liệu được ký hiệu A1.

- 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027873 do Phòng C1 Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 16/01/2019 cho chủ xe Đặng Minh D, địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố L, xe ô tô nhãn hiệu Honda - CRV, biển số: 24A - 119.91 - Tài liệu được ký hiệu A6.

- 01 Giấy vay tiền mặt viết theo mẫu in sẵn (không ghi ngày, tháng, năm), thể hiện nội dung Ngô Huyền T1 vay 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*) của Phùng Văn H - Tài liệu được ký hiệu A10.

- 01 Giấy vay tiền mặt viết theo mẫu in sẵn trên giấy trắng khổ giấy A4 ghi ngày 03/02/2019, thể hiện nội dung Ngô Huyền T1 và Đặng Minh D vay 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) của Phùng Văn H - Tài liệu ký hiệu A11.

Kết quả giám định:

- Phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tài liệu ký hiệu A1) là giả.

- Phôi Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (tài liệu ký hiệu A6) là giả.

- Hình dấu tròn của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai trên tài liệu ký hiệu A1 với hình dấu tròn Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai trên mẫu so sánh ký hiệu M8 không có cùng nội dung. Hình dấu tròn trên tài liệu ký hiệu A1 không được đóng trực tiếp mà được in bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu mang tên Phạm Văn H2 trên tài liệu ký hiệu A1 không phải là dấu đóng trực tiếp mà được in bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ viết mang dấu tên Phạm Văn H2 dưới mục “SỞ TÀI NGUYÊN.... GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH LÀO CAI” trên tài liệu ký hiệu A1 là chữ ký trực tiếp. Chữ ký trên tài liệu ký hiệu A1 với chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M8 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Minh D trên các tài liệu ký hiệu A10, A11 với chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Minh D trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Huyền T1 trên các tài liệu ký hiệu A10, A11 với chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Huyền T1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M7 do cùng một người ký và viết ra.

*** Vụ thứ 2: Lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Hữu H3, trú tại tổ H, phường P, thành phố L.**

Từ năm 2016 đến cuối năm 2018, Ngô Huyền T1 vay của Nguyễn Hữu H3 nhiều lần với tổng số tiền 655.000.000đ (*Sáu trăm năm mươi năm triệu*

đồng), lãi suất là 1%/1 tháng.

Đầu năm 2019, do có nhu cầu mở cửa hàng kinh doanh điện thoại di động và biết T1 đang làm tại Công ty O1 nên H3 đã hỏi T1 về nguồn nhập hàng điện thoại di động. Lúc này T1 đang bị rất nhiều người đòi nợ mà không có khả năng thanh toán nên nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền đặt cọc mua hàng của anh H3 để trả nợ, nếu H3 đòi lại tiền đặt cọc thì T1 sẽ đưa cho H3 bìa đồ giả làm tài sản bảo đảm. Nghĩ là làm, T1 nói với H3, T1 có nguồn nhập điện thoại di động giá rẻ hơn thị trường từ 15-20%, nếu H3 muốn mua thì phải đặt cọc trước 50 - 60% giá trị lô hàng, sau khoảng từ 7-10 ngày sẽ nhận được hàng, H3 đã đồng ý.

Ngày 01/3/2019 và 04/3/2019, H3 đặt mua của T1 2 lô điện thoại di động, đề cho H3 tin tưởng T1 bù thêm 50% giá trị lô hàng và thêm một phần tiền để nhập số lượng điện thoại di động theo đơn bằng với giá thị trường tại một số cửa hàng (T1 không nhớ cụ thể) và giao đủ hàng cho anh H3 như đã thỏa thuận. Do tin tưởng T1 làm ăn đàng hoàng, đúng hẹn, ngày 06/3/2019 H3 tiếp tục gọi điện đặt mua của T1 01 lô điện thoại di động với tổng giá trị là 2.269.000.000đ. H3 đặt cọc trước 1.134.500.000đ, T1 viết giấy nhận tiền và hẹn ngày 13/3/2019 sẽ giao đủ hàng cho H3. Tuy nhiên sau khi nhận tiền đặt cọc của H3, T1 không đặt mua hàng để trả cho H3 mà dùng số tiền này để trả nợ cho người khác. Đến hạn giao hàng, T1 viện ra các lý do như hết mẫu hàng, hàng đang được vận chuyển lên Lào Cai nhằm mục đích kéo dài thời gian và chờ H3 tiếp tục đưa tiền đặt cọc để chiếm đoạt.

Ngày 09/3/2019 H3 đặt mua của T1 02 lô điện thoại di động, trong đó lô thứ nhất gồm 400 máy S, giá 1.650.000đ/1 máy, tổng giá trị của lô hàng là 660.000.000đ, H3 đặt cọc trước 50% là 330.000.000đ. Để H3 tin tưởng và tiếp tục chuyển tiền đặt cọc, cũng với thủ đoạn nêu trên T1 đã chuyển trả cho H3 300 máy nên H3 đã chuyển thêm cho T1 165.000.000đ để thanh toán 300 máy Samsung J4 Core này. Lô thứ hai H3 đặt mua gồm: 10 máy Iphone X 64Gb, giá 14.000.000đ/1 máy; 05 máy Iphone X Max 64 Gb, giá 21.000.000đ/1 máy; 30 máy Iphone 6S Plus 32Gb, giá 5.000.000đ/1 máy; 10 máy Iphone 7 Plus 32 Gb, giá 9.000.000đ/1 máy; 10 máy Iphone 7 32 G, giá 6.500.000đ/1 máy, tổng giá trị của lô hàng này là 550.000.000đ. H3 đặt cọc trước 275.000.000đ, T1 hẹn đến ngày 14/3/2019 sẽ giao hàng. Tuy nhiên sau khi nhận tiền đặt cọc, T1 cũng không đặt mua hàng để trả cho H3 mà sử dụng để trả nợ cho nhiều người khác. Đến thời hạn giao hàng, T1 tiếp tục viện ra các lý do như hết mẫu hàng, hàng đang được vận chuyển lên Lào Cai để kéo dài thời gian thanh toán.

Ngày 12/3/2019 H3 tiếp tục đặt mua của T1 một lô điện thoại di động gồm: 420 máy Redmi 6A, giá 1.580.000đ/1 máy; 100 máy Iphone 6S Plus, giá 4.850.000đ/1 máy, tổng giá trị của lô hàng là 1.148.600.000đ, H3 đặt cọc trước 600.000.000đ, thỏa thuận ngày 14/3/2019 T1 trả đủ hàng cho H3. Khoảng 3 - 4 ngày sau, T1 trả cho H3 420 máy Redmi 6A và H3 chuyển thêm cho T1

200.000.000đ để lấy 100 máy Iphone. Số hàng còn lại này T1 chưa thanh toán nên còn nợ H3 136.400.000 đồng. Đến thời hạn nhưng không thấy T1 giao hàng, H3 yêu cầu T1 trả hàng hoặc phải trả lại tổng số tiền đã nhận đặt cọc mà chưa giao là 1.545.900.000đ. Ngày 23/3/2019 T1 đã đưa cho H3 01 bìa đồ giả tại địa chỉ số H đường M, phường B, thành phố L (trong số 7 bìa đồ T1 đã thuê làm giả) và thỏa thuận bán lại căn nhà này với giá 3.000.000.000đ cho H3 để khấu trừ số tiền T1 nợ đặt cọc của H3. Do tin tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là thật nên H3 đã đồng ý mua để trừ nợ. Sau đó H3 viết giấy biên nhận đặt cọc và ghi số tiền đã đặt cọc là 2.500.000.000đ, thỏa thuận đến ngày 25/3/2019 nếu T1 không trả được tiền thì phải làm thủ tục chuyển nhượng nhà cho H3.

Quá trình điều tra Nguyễn Hữu H3 yêu cầu Ngô Huyền T1 phải hoàn trả lại số tiền 2.200.900.000đ (bao gồm: 655.000.000đ tiền T1 vay nợ và 1.545.900.000đ tiền T1 đã nhận đặt cọc) và đề nghị xử lý Ngô Huyền T1 theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Nguyễn Hữu H3 yêu cầu Ngô Huyền T1 phải hoàn trả lại số tiền 1.545.900.000đ là tiền T1 đã chiếm đoạt của H3. Số tiền 655.000.000đ là tiền H3 cho T1 vay từ trước H3 sẽ đòi sau.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 863945 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 29/3/2018 cho Đặng Minh D và Ngô Huyền T1, địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Số vào sổ cấp GCN: CS 03743 - Tài liệu được ký hiệu A4.

- 01 Giấy biên nhận tiền đặt cọc viết theo mẫu in sẵn trên giấy trắng khổ giấy A4 ghi ngày 23/3/2019, thể hiện nội dung Ngô Huyền T1 nhận tiền đặt cọc 2.500.000.000đ (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*) của Nguyễn Hữu H3 để bán nhà - Tài liệu được ký hiệu A18.

Kết quả giám định:

- Phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tài liệu ký hiệu A4) là giả.

- Hình dấu tròn của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai trên tài liệu ký hiệu A4 với hình dấu tròn Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai trên mẫu so sánh ký hiệu M8 không có cùng nội dung. Hình dấu tròn trên tài liệu ký hiệu A4 không được đóng trực tiếp mà được in bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu mang tên Phạm Văn H2 trên tài liệu ký hiệu A4 không phải là dấu đóng trực tiếp mà được in bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Phạm Văn H2 dưới mục “SỞ TÀI NGUYÊN.... GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH LÀO CAI” trên tài liệu ký hiệu A4 là chữ ký trực tiếp. Chữ ký trên tài liệu ký hiệu A4 với chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M8 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Huyền T1 trên tài liệu ký hiệu A18 (trừ

chữ viết tại các dòng 4, 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 20, 21 tính từ trên xuống của tài liệu ký hiệu A18) với chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Huyền T1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M7 do cùng một người ký và viết ra.

Đối với số tiền 655.000.000đ mà H3 cho T1 vay trước đó, T1 khai đã vay với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, H3 khai chỉ lấy lãi suất 1%/tháng. Tại phiên tòa T1 thừa nhận H3 chỉ lấy lãi suất 1%/tháng, tại cơ quan điều tra do T1 nhớ nhầm nên khai sai.

*** Vụ thứ 3: Lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Đặng Thị C, trú tại tổ A (nay là tổ H), phường K, thành phố L.**

Để có tiền thanh toán các khoản vay nợ của người khác mà T1 đã vay trước đó, ngày 15/3/2019 T1 gọi điện cho chị Đặng Thị C (là đồng nghiệp của mẹ T1) và nói dối là cần tiền để đáo nợ Ngân hàng. T1 đặt vấn đề vay của chị C 800.000.000đ (*tám trăm triệu đồng*) và hẹn sau mấy ngày sẽ trả cả tiền gốc và tiền lãi nhưng chị C không đồng ý.

Ngày 18/3/2019, T1 tiếp tục gọi điện cho chị C để hỏi vay tiền và nói với chị C là sẽ để lại bìa đồ của gia đình T1 cho chị C giữ làm tin. Do tin tưởng nên chị C đã đồng ý và nói chỉ cho vay 600.000.000đ với điều kiện khi đến vay cả hai vợ chồng T1 phải cùng ký và hẹn sáng ngày hôm sau sẽ cho vay.

Sáng ngày 19/3/2019 chị C gọi điện cho T1 nói đã có tiền và bảo T1 đầu giờ chiều qua nhà lấy tiền. Khoảng 13 giờ ngày 19/3/2019, T1 cầm theo 01 bìa đồ giả cùng 01 sổ hộ khẩu photo đến chị C. Lúc này chỉ có một mình chị C ở nhà, T1 nói chồng T1 phải ở nhà trông con, khi nào viết giấy vay tiền xong thì chị C qua nhà T1 cho chồng T1 ký, chị C đồng ý. Sau đó T1 đưa bìa đồ giả và sổ hộ khẩu photo cho chị C xem và giữ để làm tin. Đồng thời Trang viết một giấy vay tiền mặt thể hiện nội dung “*ngày 19/3/2019 Ngô Huyền T1 vay bà Đặng Thị C 600.000.000đ, hẹn đến ngày 25/3/2019 sẽ hoàn trả*” rồi nhận 600.000.000đ của chị C. Sau khi vay được tiền, T1 gọi điện thoại cho Đặng Minh D bảo tí nữa ra ngoài đường ký giấy vay tiền cho chị C để chị C còn đi làm, D đồng ý. Sau đó T1 dẫn chị C đi về nhà ở số nhà H, đường M, tổ B, phường B, thành phố L để D ký vào mục “*người vay*” trong giấy vay tiền trên. Số tiền chiếm đoạt được của chị C, T1 sử dụng trả nợ cho chị Tô Thị Thanh V 400.000.000đ, số tiền còn lại T1 trả nợ và chi tiêu như thế nào đến nay T1 không nhớ.

Về lãi suất thỏa thuận: T1 khai chị C cho vay với lãi suất 7000đ/triệu/ngày và lấy luôn tiền lãi của 7 ngày vay là 29.400.000đ, nên khi vay T1 chỉ nhận được 570.600.000đ. Quá trình điều tra chị C khai T1 chỉ hứa hẹn sẽ trả lãi chứ không nói cụ thể là bao nhiêu và đã giao đủ 600.000.000đ cho T1. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất xong Ngô Huyền T1 và Đặng Thị C đều giữ nguyên lời khai của mình. Tại phiên tòa T1 khai T1 nhớ nhầm nên đã khai như trên, thực tế giữa T1 và chị C chưa nói cụ thể lãi suất là bao nhiêu và T1 cũng chưa trả lãi cho chị C.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, chị Đặng Thị C yêu cầu Ngô Huyền T1 và Đặng Minh D phải liên đới hoàn trả lại cho chị số tiền 600.000.000đ và đề nghị xử lý T1 về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định:

- 01 Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số: CM 863945 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 29/3/2018 cho Đặng Minh D và Ngô Huyền T1, địa chỉ: Tổ B, phường K, TP L. Số vào sổ cấp GCN: CS 03743 - Tài liệu được ký hiệu A3.

- 01 Giấy vay tiền mặt viết tay trên giấy trắng khổ giấy A4 ghi ngày 19/03/2019, thể hiện nội dung Ngô Huyền T1 vay 600.000.000đ của Đặng Thị C - Tài liệu được ký hiệu A17.

Kết quả giám định:

- Phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tài liệu ký hiệu A3) là giả;

- Hình dấu tròn của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai trên tài liệu ký hiệu A3 với hình dấu tròn Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai trên mẫu so sánh ký hiệu M8 không có cùng nội dung. Hình dấu tròn trên tài liệu ký hiệu A3 không được đóng trực tiếp mà được in bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu mang tên Phạm Văn H2 trên tài liệu ký hiệu A3 không phải là dấu đóng trực tiếp mà được in bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Phạm Văn H2 dưới mục “SỞ TÀI NGUYÊN.... GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH LÀO CAI” trên tài liệu ký hiệu A3 là chữ ký trực tiếp. Chữ ký trên tài liệu ký hiệu A3 với chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M8 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Minh D trên tài liệu ký hiệu A17 với chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Minh D trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Huyền T1 trên tài liệu ký hiệu A17 với chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Huyền T1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M7 do cùng một người ký và viết ra.

*** Vụ thứ 4: Lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Lê Mạnh T, trú tại tổ B, phường K, thành phố L.**

Do tin tưởng T1 có nguồn nhập điện thoại di động của các hãng với giá rẻ hơn thị trường nên từ khoảng cuối năm 2017 đến ngày 14/3/2019 anh T đã nhiều lần chuyển tiền đặt cọc cho T1 để đặt mua điện thoại di động, trong đó có lô hàng khi đặt cọc tiền hai bên có xác lập giấy tờ biên nhận tiền đặt cọc, có những lô thì không xác lập giấy tờ gì. Khi T hỏi về chính sách khi giao hàng chậm, T1 nói dối công ty sẽ áp giá bù cho khách hàng rồi tự bỏ tiền ra để trả lại cho T 02 lần: Lần 1, T1 nói dối là công ty bù giá 200.000 đồng/chiếc điện thoại giao chậm và sẽ trả cho T 83.000.000đ, yêu cầu T cho lại T1 20.000.000đ, T đồng ý,

sau đó T1 tự bỏ tiền ra trả cho T 63.000.000đ; Lần 2, vào đầu năm 2019 T1 nói dối là công ty bù giá 100.000đ/chiếc điện thoại giao chậm và T được 60.000.000đ, sau đó T1 tự bỏ tiền ra để đưa cho T số tiền này. Do đó T càng tin tưởng và tiếp tục chuyển tiền đặt cọc mua điện thoại di động của T1. Bằng thủ đoạn nêu trên, trong thời gian từ ngày 08/6/2018 đến ngày 14/3/2019 Lê Mạnh T đã chuyển tiền bằng nhiều hình thức (chuyển khoản vào tài khoản của T1, đưa tiền mặt) tổng số tiền khoảng 36 tỷ đồng để mua khoảng 20.000 chiếc điện thoại di động các loại, T1 đã trả trên 18.000 chiếc điện thoại (do T1 và anh T không lập sổ sách theo dõi và không giao nộp được các chứng từ đặt cọc nên không đủ căn cứ xác định chính xác số tiền đặt cọc và tổng số điện thoại di động mà anh T đã đặt mua). Hiện Ngô Huyền T1 còn nợ số tiền đã nhận đặt cọc của anh T là 7.295.040.000đ tương đương với 3.836 chiếc điện thoại di động. Số tiền này T1 dùng để trả bớt nợ đối với các khoản vay, một phần dùng để đặt mua hàng thanh toán cho các đơn cũ chưa thanh toán. Cụ thể thanh toán nợ cho những ai, thanh toán cho những đơn hàng nào T1 không nhớ.

Tại phiên tòa anh Lê Mạnh T yêu cầu Ngô Huyền T1 và Đặng Minh D phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh số tiền 7.295.040.000đ. Theo anh T, Đặng Minh D hoàn toàn biết việc Ngô Huyền T1 lừa đảo để chiếm đoạt tiền đặt cọc của anh. Vì trong các lần anh T đặt cọc tiền mua điện thoại, có một lần Đặng Minh D là người ký nhận vào Giấy biên nhận tiền đặt cọc với số tiền đặt cọc là 2.609.500.000đ vào ngày 01/3/2019. Vì vậy, anh T đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự của Đặng Minh D đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

*** Vụ thứ 5: Lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Trọng H1 , trú tại thôn T, xã X, huyện B, Lào Cai**

Do tin tưởng T1 có nguồn hàng giá rẻ hơn giá niêm yết nên anh H1 đã nhiều lần chuyển tiền (bằng nhiều hình thức: chuyển khoản, đưa tiền mặt) đặt cọc mua điện thoại di động hoặc mua hàng có sẵn (hàng sổi) của T1. Từ ngày 01/3/2018 đến ngày 04/3/2019 anh H1 đã đặt cọc khoảng 40.656.880.000đ để mua trên 19.000 chiếc điện thoại di động các loại. T1 đã nhập hàng và thanh toán cho anh H1 khoảng 14.000 chiếc điện thoại với số tiền khoảng 34.744.230.000đ. Ngoài ra, trong thời gian từ 14/01/2019 đến ngày 27/02/2019 anh H1 chuyển nhờ Ngô Huyền T1 bán hộ 583 chiếc điện thoại các loại, trị giá 1.465.580.000đ. T1 trình bày đã bán hộ số điện thoại trên nhưng chưa chuyển tiền cho H1 vì T1 và H1 thỏa thuận số tiền đó H1 dùng đặt mua các lô điện thoại di động tiếp theo.

Như vậy, tổng số tiền Ngô Huyền T1 đã nhận đặt cọc nhưng chưa trả điện thoại cho H1 là 5.912.650.000đ/5.641 điện thoại. Số tiền này T1 dùng để trả bớt nợ các khoản vay, một phần dùng để đặt mua hàng thanh toán cho các đơn cũ chưa thanh toán. Cụ thể thanh toán nợ cho những ai, thanh toán cho những đơn hàng nào Ngô Huyền T1 không nhớ.

Trong quá trình điều tra, anh Nguyễn Trọng H1 yêu cầu Ngô Huyền T1

trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 5.912.650.000đ (*năm tỷ chín trăm mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

*** Vụ thứ 6: Lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Vũ Minh H4, trú tại Tổ B, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai**

Vợ chồng anh Vũ Minh H4 và Hà Thị T2 mở cửa hàng kinh doanh điện thoại di động tại tổ B, phường K, thành phố L, gần nhà bố mẹ chồng của Ngô Huyền T1. Trong thời gian từ 19/7/2018 đến ngày 21/01/2019, vợ chồng anh H4 đã đặt mua của T1 13 lô điện thoại di động của các hãng S, O và X. Với phương thức, thủ đoạn bù tiền để nhập hàng nhằm tạo lòng tin như đã nêu trên, Ngô Huyền T1 đã trả cho vợ chồng anh H4 được 07 lô điện thoại; 03 lô chỉ trả được một phần (còn nợ lại 624.800.000đ/3 lô điện thoại); 03 lô điện thoại trị giá 1.390.600.000đ. T1 chưa có điện thoại để trả. Tổng số tiền T1 chiếm đoạt của vợ chồng anh Vũ Minh H4 là 2.015.400.000đ (*Hai tỷ không trăm mười năm triệu bốn trăm nghìn đồng*). Số tiền này T1 dùng để trả nợ các khoản vay, một phần dùng để đặt mua hàng thanh toán cho các đơn cũ chưa thanh toán. Cụ thể thanh toán nợ cho những ai, thanh toán cho những đơn hàng nào T1 không nhớ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Vũ Minh H4 yêu cầu Ngô Huyền T1 phải trả lại tổng số tiền đã chiếm đoạt là 2.015.400.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Ngô Huyền T1 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a khoản 3 Điều 341; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Huyền T1 tù chung thân về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 04 (bốn) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Ngô Huyền T1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là Tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 587, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Ngô Huyền T1 phải bồi thường cho anh Nguyễn Hữu H3 số tiền 1.545.900.000đ (*Một tỷ năm trăm bốn mươi năm triệu chín trăm nghìn đồng*); bồi thường cho anh Nguyễn Trọng H1 số tiền 5.912.650.000đ (*Năm tỷ chín trăm mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*); bồi thường cho anh Vũ Minh H4 số tiền 2.015.400.000đ (*Hai tỷ không trăm mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*); bồi thường cho anh Lê Mạnh T 4.685.540.000đ (*Bốn tỷ sáu trăm tám mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Ngô Huyền T1 và anh Đặng Minh D phải liên đới bồi thường

cho anh Phùng Văn H số tiền 1.050.000.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*). Cụ thể bị cáo Ngô Huyền T1 có trách nhiệm bồi thường 525.000.000đ (*Năm trăm hai lăm triệu đồng*), anh Đặng Minh D có trách nhiệm bồi thường 525.000.000đ (*Năm trăm hai lăm triệu đồng*).

Buộc bị cáo Ngô Huyền T1 và anh Đặng Minh D phải liên đới bồi thường cho chị Đặng Thị C số tiền 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*). Cụ thể bị cáo Ngô Huyền T1 có trách nhiệm bồi thường 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), anh Đặng Minh D có trách nhiệm bồi thường 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*).

Buộc bị cáo Ngô Huyền T1 và anh Đặng Minh D phải liên đới bồi thường cho anh Lê Mạnh T số tiền 2.609.500.000đ (*Hai tỷ sáu trăm linh chín triệu năm trăm nghìn đồng*). Cụ thể bị cáo Ngô Huyền T1 có trách nhiệm bồi thường 1.304.750.000đ (*Một tỷ ba trăm linh tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), anh Đặng Minh D có trách nhiệm bồi thường 1.304.750.000đ (*Một tỷ ba trăm linh tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ngày 27/6/2022, TAND tỉnh Lào Cai ban hành quyết định khởi tố vụ án hình sự số 01/2022/HS-QĐ đối với Đặng Minh D.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 308/2023/HS-PT ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã nhận định, việc Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai vừa ban hành quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với anh Đặng Minh D, vừa giải quyết phần trách nhiệm dân sự với anh D trong vụ án trong khi việc điều tra với anh D chưa có kết quả là không đúng, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã hủy phần Quyết định về trách nhiệm dân sự tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai để xét xử lại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 587, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc chị Ngô Huyền T1 và anh Đặng Minh D phải liên đới bồi thường cho anh Lê Mạnh T số tiền 2.609.500.000 đồng (*Hai tỷ sáu trăm linh chín triệu năm trăm nghìn đồng*). Cụ thể chị Ngô Huyền T1 có trách nhiệm bồi thường 1.304.750.000 đồng (*Một tỷ ba trăm linh tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), anh Đặng Minh D có trách nhiệm bồi thường 1.304.750.000 đồng (*Một tỷ ba trăm linh tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự với các bị hại khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2023, nguyên đơn dân sự - anh Lê Mạnh T kháng cáo toàn bộ

Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/7/2024: anh T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự anh D vì trong quá trình giao dịch anh D biết việc chị T1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản, anh D còn ký giấy nhận tiền 2.609.500.000 đồng nhưng thực tế hai lần anh chuyển khoản là 2.619.500.000 đồng, có xác nhận của anh D. Quá trình Tòa án cấp cao hủy án về giải quyết lại thì cơ quan điều tra không làm việc với anh, cũng không xem xét các tài liệu do anh và luật sư cung cấp mà đã đình chỉ điều tra là không có căn cứ pháp luật. Khi đình chỉ điều tra đối với anh D thì anh đã khiếu nại nhưng không được chấp nhận. Cơ quan điều tra có hướng dẫn khiếu nại tiếp đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai nhưng anh không khiếu nại tiếp. Nay yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Xử lý trách nhiệm hình sự anh Đặng Minh D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; yêu cầu chị T1, anh D liên đới bồi thường số tiền 7.295.040.000 đồng trong đó chị T1 2.619.500.000 đồng còn anh D 4.685.540.000 đồng; đề nghị hủy 1 phần Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai về phần bồi thường dân sự đối với anh để giải quyết lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kháng cáo của anh T được làm trong thời hạn luật định, hình thức nội dung đơn phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: xét kháng cáo của anh T thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định không có căn cứ để buộc anh Đặng Minh D phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh T toàn bộ số tiền 7.295.040.000 đồng. Tuy nhiên, trong giấy đặt cọc ngày 01/3/2019, anh Đặng Minh D có ký nhận của anh T số tiền đặt cọc là 2.609.500.000 đồng. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Đặng Minh D phải liên đới bồi thường cho anh T số tiền 2.609.500.000 đồng, cụ thể chị T1 và anh Đặng Minh D, mỗi người phải bồi thường cho anh T số tiền 1.304.750.000 đồng. Số tiền còn lại là 4.685.540.000 đồng Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Ngô Huyền T1 phải có trách nhiệm bồi thường cho anh T là phù hợp, có căn cứ pháp luật. Quá trình xét xử phúc thẩm anh T không có thêm tài liệu nào khác làm thay đổi bản chất vụ việc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Về án phí : Anh T phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như

sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[1.2] Đơn kháng cáo của anh T được làm nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên xác định hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm;

[2] Xét kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về việc điều tra xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Đặng Minh D
Căn cứ theo Bản án số 308/2023/HS-PT ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Quyết định số 01/2022/HS-QĐ ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, Cơ quan CSĐT công an tỉnh Lào Cai đã tiến hành điều tra đối với anh Đặng Minh D theo quy định. Ngày 24/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-PC02 về việc đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với anh Đặng Minh D do xét thấy hành vi không cấu thành tội phạm. Trên cơ sở kết quả điều tra của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lào Cai, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành văn bản số 445/VKS-P2 ngày 11/8/2023 về việc không có căn cứ truy tố đối với Đặng Minh D, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai để xét xử về phần trách nhiệm dân sự đối với Đặng Minh D và Ngô Huyền T1 theo quy định. Anh T cũng đã khiếu nại quyết định đình chỉ điều tra và không được chấp nhận, sau đó anh T cũng không khiếu nại tiếp. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai chỉ xét xử về phần trách nhiệm dân sự, không xét xử về trách nhiệm hình sự đối với anh Đặng Minh D là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy nội dung kháng cáo này của anh T không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về trách nhiệm bồi thường dân sự

Đối với số tiền chị Ngô Huyền T1 đã chiếm đoạt của anh Lê Mạnh T: Anh T yêu cầu T1 và D phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh T số tiền 7.295.040.000 đồng, trong đó chị Ngô Huyền T1 phải trả lại số tiền 2.619.500.000 đồng, anh Đặng Minh D phải trả lại số tiền 4.685.540.000 đồng.

Tại Bản Kết luận điều tra vụ án hình sự trong trường hợp đình chỉ điều tra số 01/QĐ-PC02 ngày 24/02/2023 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lào Cai đã xác định: “Trên cơ sở điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 01/820232/HS –QĐ ngày 27/6/2022 của Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Lào Cai, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lào Cai không thu thập được thêm tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh Đặng Minh D là đồng phạm trong vụ án và nhận định Ngô Huyền T1 là người sử dụng tài khoản zalo

của D và mạo danh D nhắn tin, trao đổi mua bán điện thoại với anh T và anh H1. Toàn bộ quá trình phạm tội chỉ một mình T1 thực hiện, D không biết và không tham gia gì vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Phùng Văn H , Lê Mạnh T cũng như các bị hại khác. Về nội dung D gọi điện giục T chuyển tiền là do T1 nhờ D gọi. Ngày 01/03/2019, D viết giấy nhận tiền đặt cọc với anh Lê Mạnh T là vì T1 nhờ D viết, T1 nói dối D là đã đặt điện thoại để bán cho T, T1 một không ngồi dậy viết được nên D tin tưởng viết và ký hộ T1 giấy biên nhận đặt cọc này...” Xét thấy không có căn cứ để buộc Đặng Minh D phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh T toàn bộ số tiền 7.295.040.000 đồng. Về số tiền 2.619.500.000 đồng căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận số tiền 2.619.500.000 đồng như anh T khai. Mặt khác trong giấy đặt cọc ngày 01/3/2019, anh Đặng Minh D có ký nhận của anh T số tiền đặt cọc là 2.609.500.000 đồng. Các bản án đã xét xử có hiệu lực pháp luật cũng chỉ xác định, kết luận số tiền là 2.609.500.000 đồng. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và buộc anh Đặng Minh D phải liên đới bồi thường cho anh T số tiền 2.609.500.000 đồng, cụ thể T1 và anh Đặng Minh D, mỗi người phải bồi thường cho anh T số tiền 1.304.750.000 đồng. Số tiền còn lại là 4.685.540.000 đồng buộc Ngô Huyền T1 phải có trách nhiệm bồi thường cho anh T là có căn cứ pháp luật.

[3.3] Tại cấp phúc thẩm anh T không có tài liệu chứng cứ nào khác làm thay đổi bản chất vụ việc. Từ những nội dung trên, HĐXX thấy quan điểm kháng cáo đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm để giải quyết lại của anh T là không có căn cứ chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX cần được chấp nhận. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm e, khoản 2, Điều 23; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Mạnh T.
2. Giữ nguyên các quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đối với phần giải quyết trách nhiệm bồi thường dân sự của anh Lê Mạnh T, cụ thể:

Căn cứ quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 587, 589 Bộ luật

Dân sự:

Buộc chị Ngô Huyền T1 phải bồi thường cho anh Lê Mạnh T 4.685.540.000 đồng (*Bốn tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Buộc chị Ngô Huyền T1 và anh Đặng Minh D phải liên đới bồi thường cho anh Lê Mạnh T số tiền 2.609.500.000 đồng (*Hai tỷ sáu trăm linh chín triệu năm trăm nghìn đồng*). Cụ thể chị Ngô Huyền T1 có trách nhiệm bồi thường 1.304.750.000 đồng (*Một tỷ ba trăm linh tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), anh Đặng Minh D có trách nhiệm bồi thường 1.304.750.000 đồng (*Một tỷ ba trăm linh tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí: anh Lê Mạnh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ong Thân Thắng